

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10/5/2019

V/v tranh chấp

Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cử và bà Nguyễn Thị Hà.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Định - Thư ký TAND huyện Mê Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 341/2018/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐ-HPT ngày 03/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1989, (có mặt).

Nơi ĐKKHKT tại: Xóm Vọt, thôn Yên Nhân, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội;

Nơi cư trú: Thôn Ninh Hà, xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981, (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Xóm Vọt, thôn Yên Nhân, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T do tự nguyện, có thỏa thuận tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội ngày 18/11/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình nhà chồng tại xóm Vọt, thôn Yên Nhân, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, sau đó vợ chồng được bố mẹ chồng cho ra ở riêng trên nhà đất của bố mẹ chồng. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngay từ những ngày đầu. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không quan tâm đến vợ con, hay rượu chè, chơi bời, nợ nần nên anh thường xuyên đánh đập chị, có lần anh còn cầm dao lên nhà bố mẹ đẻ chị dọa giết chị. Việc này chị đã nhờ sự can thiệp của gia đình hai bên nhưng anh T vẫn không thay đổi, nên vào tháng 7 năm 2018 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ ngày đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết

cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có với nhau 02 con chung là Nguyễn Quang Dũng, sinh ngày 09/11/2011 và Nguyễn Thu Hằng, sinh ngày 23/8/2014. Hiện tại cháu Dũng đang ở với anh T, cháu Hằng đang ở với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Hằng, nhất trí để cháu Dũng ở với anh T. Chị xác định mỗi người nuôi 1 con, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: Chị xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập lên Tòa làm việc nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành làm việc, lấy lời khai, tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt nên không có lời khai tại Tòa án.

Tại biên bản làm việc và lấy lời khai ông Nguyễn Văn Nh là bố đẻ của anh Nguyễn Văn T cũng xác định như lời trình bày của chị M về thời gian kết hôn, thời gian chung sống, thời gian phát sinh mâu thuẫn, thời gian vợ chồng anh T, chị M sống ly thân và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Nay chị M xin ly hôn anh T ông không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án tạo điều kiện giải quyết, xét xử cho vợ chồng được ly hôn theo pháp luật. Việc chị M xin ly hôn anh T, anh T cũng biết việc này và có quan điểm là nhất trí ly hôn với chị M. Về con chung, vợ chồng anh T, chị M có 02 con chung là Nguyễn Quang Dũng, sinh ngày 09/11/2011 và Nguyễn Thu Hằng, sinh ngày 23/8/2014. Giải quyết ly hôn ông đề nghị Tòa án giao cháu Hằng cho mẹ nuôi dưỡng, giao cháu Dũng cho anh T nuôi dưỡng. Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: không có.

*** *Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án; bị đơn cố tình vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nên tự từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình theo pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M; cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: chị M và anh T có 02 con chung là Nguyễn Quang Dũng, sinh ngày 09/11/2011 và Nguyễn Thu Hằng, sinh ngày 23/8/2014. Giao cháu Hằng cho chị M được nuôi dưỡng cho đến khi cháu đến tuổi thành niên; Giao cháu Dũng cho anh T được nuôi dưỡng cho đến khi cháu đến tuổi thành niên nếu không có sự thay đổi nào khác. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: không có.

4. Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị M có đơn khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn Văn T có nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú tại thôn Yên Nhân, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội thụ lý vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xác minh tại địa phương anh T không có thông báo về việc thay đổi nơi cư trú, bỏ để anh là ông Nh đã nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết đã giao tận tay cho anh Tân nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt; nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội ngày 18/11/2010 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngay từ những ngày đầu và hai bên sống ly thân nhau từ tháng 07/2018 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn: là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay xảy ra xô xát, cãi nhau, anh T hay chơi bời, nợ nần bên ngoài nhiều, anh T hay đánh đập chị M, hiện tại hai bên đã sống ly thân, không ai quan tâm gì đến ai nay chị M xin ly hôn anh T. Xét thấy việc anh T không hợp tác để giải quyết việc ly hôn là nhằm mục đích kéo dài việc giải quyết vụ án, gây khó khăn cho chị Minh. Xét tình cảm giữa chị M và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài việc chị M xin ly hôn anh T là chính đáng, anh T và đại diện gia đình cũng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị M để giải phóng cho các bên là cần thiết.

[3] Về con chung: Chị M và anh T có với nhau 02 con chung là Nguyễn Quang Dũng, sinh ngày 09/11/2011 và Nguyễn Thu Hằng, sinh ngày 23/8/2014. Hiện tại cháu Dũng đang ở với anh T, cháu Hằng đang ở với chị M.

Khi ly hôn cả chị M và ông Nh là ông nội các cháu đều có nguyện vọng là giao cháu Hằng cho chị Minh được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng; giao cháu Dũng cho anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Mặt khác đối với cháu Dũng, hiện nay cháu đã trên 7 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con... nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Xét nguyện vọng của cháu Dũng là cháu muốn được ở với bố cháu. Do vậy xét nguyện vọng của chị M phù hợp với các quy định của pháp luật cần được Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Hằng cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi; giao cháu Dũng cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng

cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi. Do mỗi người nuôi một cháu nên không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có sự thay đổi khác. Sau khi ly hôn hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung; tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị M, ông Nh đều xác định chị M, anh T không có tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 227; Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị M và anh T có 02 con chung là Nguyễn Quang Dũng, sinh ngày 09/11/2011 và Nguyễn Thu Hằng, sinh ngày 23/8/2014.

Giao cháu Hằng cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Hằng trưởng thành, đủ 18 tuổi (*nếu không có sự thay đổi nào khác về việc nuôi con chung*).

Giao cháu Dũng cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Dũng trưởng thành, đủ 18 tuổi (*nếu không có sự thay đổi nào khác về việc nuôi con chung*).

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Hai bên có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức; công nợ: không có.

4. Về án phí: Chị M phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đ theo biên lai thu số 0016772 ngày 29/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mê Linh, TP Hà Nội; chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mê Linh;
- Chi cục THADS huyện Mê Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã Hoàng Kim;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

Nguyễn Thị Kim Thúy

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày... tháng...năm

Tại:⁽²⁾

Với Hội đồng xét xử⁽³⁾gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

.....⁽⁴⁾

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số...../...../.....-.....⁽⁵⁾
ngày.....tháng.....năm.....về⁽⁶⁾ giữa:

Nguyên đơn.....

Bị đơn.....

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.....⁽⁷⁾

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên
tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU⁽⁹⁾**

.....
.....

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký
tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thúy

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÊ LINH
.....***.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----*0*-----

Mê Linh, ngày 28 tháng 02 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 00 phút ngày 28 tháng 02 năm 2019

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

*** Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thái.

Ông Nguyễn Văn Cử.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 365/2018/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa:

- **Nguyên đơn: Chị Lê Thị Quỳnh Trang**, sinh năm 1993, có mặt.

Nơi ĐKNKTT tại: Thôn Hoàng Xá, xã Hoàng Kim, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Thôn Nại Châu, xã Chu Phan, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn: Anh Nguyễn Duy Dũng**, sinh năm 1991, vắng mặt.

Nơi ĐKNKTT và cư trú tại: Thôn Hoàng Xá, xã Hoàng Kim, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

- Về Điều luật áp dụng: Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 227; Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

- Về nội dung vụ án:

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Quỳnh Trang.

Chị Lê Thị Quỳnh Trang được ly hôn với anh Nguyễn Duy Dũng.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Quỳnh Trang và anh Nguyễn Duy Dũng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh Châu, sinh ngày 19/02/2014.

Giao cháu Châu cho chị Trang được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Châu trưởng thành, đủ 18 tuổi (*nếu không có sự thay đổi nào khác về việc nuôi con chung*).

Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Châu của chị Trang đối với anh Dũng cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Dũng có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức; công nợ: Không có.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

4. Về án phí: Chị Trang phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đ theo biên lai thu số 0016792 ngày 12/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mê Linh, TP Hà Nội; chị Trang đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trang có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Dũng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND nơi cư trú./.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 20 phút, ngày 28 tháng 02 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thúy

